|  |
| --- |
| BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHƯƠNG ĐÔNG |
| **KHOA PHỤ SẢN** |

**PHIẾU TÓM TẮT THÔNG TIN ĐIỀU TRỊ**

**SAU MỔ THAI NGOÀI TỬ CUNG**

| **Điều trị, theo dõi, chăm sóc** | **Ngày điều trị** | | |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày 1** | **Ngày 2** | **Ngày 3** |
| **Khám** | **Theo dõi:** Toàn trạng, tri giác, dấu hiệu sinh tồn (mạch, huyết áp, nhiệt độ)  **Khám:**   * Phát hiện sớm các biến chứng do phẫu thuật nội soi: có tình trạng tràn khí dưới da không, chảy máu … * Quan sát băng vết mổ có thấm máu hay không. * Bụng có chướng, có phản ứng thành bụng không * Âm đạo có ra huyết, ra dịch không * Có nhu động ruột và trung tiện chưa * Nước tiểu 4 - 6 giờ | **Theo dõi:** Toàn trạng, tri giác, dấu hiệu sinh tồn (mạch, huyết áp, nhiệt độ)  **Khám:**   * Thay băng vết mổ, nếu vết mổ khô thì tháo băng. * Tình trạng bụng (chướng, phản ứng thành bụng, …) * Kiểm tra trung tiện, nhu động ruột * Âm đạo có ra huyết, ra dịch không | **Theo dõi:** Toàn trạng, tri giác, dấu hiệu sinh tồn (mạch, huyết áp, nhiệt độ)  **Khám:**   * Vệ sinh vết mổ. * Khám và vệ sinh âm đạo. |
| **Cận lâm sàng** | Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi, chức năng gan thận, điện giải đồ (nếu mất máu) | * Xét nghiệm βeta HCG * Siêu âm tử cung, phần phụ * Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (nếu mất máu) * CRP (C-reactive protein), Chức năng gan thận, điện giải đồ (nếu xuất hiện nhiễm trùng) | Kết quả Giải phẫu bệnh |
| **Nguyên tắc điều trị** | * Truyền dịch * Kháng sinh * Chống viêm * Giảm đau * Truyền máu (nếu cần) | * Kháng sinh * Chống viêm * Giảm đau (nếu cần) | * Kháng sinh * Chống viêm |
| **Thuốc** | * Glucose 5% x 1000ml, Ringer lactat x 500ml (Truyền tĩnh mạch) 60 giọt/phút * Biofazolin (Cefazoline) 1g x 2 lọ (Tĩnh mạch chậm) 9h - 15h * Nước cất 10ml x 02 ống, pha tiêm kháng sinh * Alphachymotrypsin 4.2 mg x 4 viên (Uống) 9h - 15h * Diclofenac 100mg x 02 viên (Đặt hậu môn) khi đau cách nhau tối thiểu 6 giờ | * Biofazolin (Cefazoline) 1g x 2 lọ (Tĩnh mạch chậm) 9h - 15h * Nước cất 10ml x 02 ống, pha tiêm kháng sinh * Alphachymotrypsin 4.2 mg x 4 viên (Uống) 9h - 15h * Diclofenac 100mg x 02 viên (Đặt hậu môn) khi đau cách nhau tối thiểu 6 giờ. | * Biofazolin (Cefazoline) 1g x 2 lọ (Tĩnh mạch chậm) 9h - 15h * Nước cất 10ml x 02 ống, pha tiêm kháng sinh * Alphachymotrypsin 4.2 mg x 4 viên (Uống) 9h - 15h |
| **Chăm sóc** | * 6 giờ sau mổ cho ăn loãng (nếu không có lưu ý gì từ phẫu thuật viên) và ăn lại bình thường khi có nhu động ruột. * Vận động sớm tại chỗ (ngồi dậy, đi quanh giường). Khuyến khích bệnh nhân tự nâng tay, chân, thay đổi tư thế * Rút sonde tiểu sau 24 giờ nếu nước tiểu trong | * Ăn uống trở lại bình thường * Khuyến khích ngồi dậy, đi lại nhiều hơn | * Ăn uống trở lại bình thường * Khuyến khích vận động bình thường * Nếu ổn định, xuất viện |
| **Sinh hoạt** | * Vệ sinh vết mổ: Dùng Betadin 10% sát khuẩn vết mổ hằng ngày, ngày 3 - 4 lần; * Vệ sinh hàng ngày: rửa vùng sinh dục ít nhất 3 lần/ngày; lau người thay đồ sạch, sau phẫu thuật 2 - 3 ngày tắm nhanh bằng nước ấm, trong phòng kín gió; * Chế độ ăn uống và sinh hoạt: ăn đủ lượng, đủ chất. Ngủ 8 giờ/ngày, tôn trọng giấc ngủ trưa. Mặc đồ sạch sẽ, rộng rãi; * Chế độ vận động: vận động nhẹ nhàng. | | |
| **Kế hoạch ra viện** | - Tư vấn và giúp giải quyết vấn đề tâm lý (nếu có)  - Tư vấn về kế hoạch hóa gia đình  - Hẹn người bệnh đến khám lại sau 2 tuần: siêu âm, Xét ngiệm β – HCG. | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Ký tên** |
| **Soạn thảo** | Nguyễn Thị Ngọc Hà | Bác sĩ Khoa Phụ Sản |  |
| **Thẩm định** | Nguyễn Tuấn Anh | Trưởng Khoa Phụ Sản |  |
| **Phê duyệt** | Nguyễn Trung Chính | Giám đốc bệnh viện |  |